TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THA HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 6 - 2023
V/V: "Ly hôn, trA chấp về nuôi con"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THA HÓA

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Kim Cảnh và bà Ngô Thị Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc THnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh ThA Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh ThA Hóa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh ThA Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, về ly hôn, trA chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc H - Sinh năm: 1999

Địa chỉ: Số 48/5 Ng, tổ dân phố 8, khu phố 1, phường 7, quận G, tHnh phố H.

2. Bị đơn: A Trần Văn A - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Xóm 1 L, xã H, huyện Tr, tỉnh ThA Hóa.

Chị H có đơn xin xử vắng mặt, A A vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:*

Chị và A Trần Văn A kết hôn trên tinh thần tự nguyện, được cưới theo phong tục tập quán tại địa phương có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận Gò Vấp, tHnh phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, quan điểm sống không đồng nhất nên thường hay cãi vã nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng thêm. Từ tháng 02/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân.

Trong thời gian ly thân không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó tự lo. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A Trần Văn A.

Về con chung: A chị có 01 con chung là cháu Trần Linh Đ, sinh ngày 12/12/2021. Hiện nay cháu Linh Đ Đg sống cùng chị tại số 48/5 Nguyễn Du, phường 7, quận Gò Vấp, tHnh phố Hồ Chí Minh. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh Đ và yêu cầu A Trần Văn A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu Linh Đ đủ 18 tuổi. Hiện nay chị Đg làm kế toán của công ty Phước Thiên - Địa chỉ: 290 Nguyễn Văn Nghi, phường 7 quận Gò Vấp, tHnh phố Hồ Chí Minh, thu nhập bình quân mỗi tháng 9.000.000đ. Ngoài ra chị còn làm thêm nghề tự do thu nhập mỗi tháng khoảng 3.000.000đ. Tổng thu nhập Hng tháng khoảng 12.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn A Trần Văn A trình bày:*

Về hôn nhân: A và chị Trần Thị Ngọc H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận Gò Vấp, tHnh phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2021. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Từ tháng 02/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian ly thân vì lý do địa lý xa xôi nên chưa có dịp để nói chuyện với nhau nên mỗi người đều tự lo cuộc sống của mình. Nay chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, hiện tại A chưa đồng ý ly hôn, A đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng nói chuyện với nhau cùng tìm ra cách hóa giải mâu thuẫn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Linh Đ, sinh ngày 12/12/2021. Hiện nay cháu Linh Đ Đg sống cùng chị H tại số 48/5 Nguyễn Du, phường 7, quận Gò Vấp, tHnh phố Hồ Chí Minh. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, A không đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh Đ, A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh Đ và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay A làm nghề lái xe cho công ty Đông Sơn ở Cẩm Phả, tỉnh Quang Ninh thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000đ, ngoài ra còn mở trang trại tại gia đình mình ở xã Hợp Thắng thu nhập Hng năm khoảng hơn 100.000.000đ. Trong trường hợp chị H được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh Đ thì A chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng, không đồng ý mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng như chị H yêu cầu.

Về tài sản và công nợ: A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Triệu Sơn, tỉnh ThA Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là A Trần Văn A không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến Hnh tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Do vậy căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt A A và chị H.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Cả chị H và A A đều thừa nhận: A A và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường 7, quận Gò Vấp, tHnh phố Hồ Chí Minh ngày 12/5/2021 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình dẫn đến thường xuyên cãi cọ, có lúc dẫn đến xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trong thêm. Từ tháng 02/2022 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân không quan tâm gì đến nhau, việc của ai người đó tự lo. Chị H yêu cầu ly hôn, A A chưa đồng ý ly hôn, đề nghị hòa giải.

Hội đồng xét xử thấy rằng, chị H và A A chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn, kết hôn với nhau tháng 5/2021 nhưng đến tháng 02/2022 đã ly thân, mỗi người một nơi cho đến nay, trong thời gian ly thân các bên không hề quan tâm gì đến nhau. A A chưa đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được các biện pháp cần thiết để Hn gắn tình cảm gia đình. Chị H cương quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và A A đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên HĐXX cần chấp nhận đơn của chị H và áp dụng Điều 56 Luật HN&GĐ xử cho chị H được ly hôn A A là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H và A A có 01 con chung là Trần Linh Đ, sinh ngày 12/12/2021. Hiện nay cháu Linh Đ Đg sống cùng chị H tại số 48/5 Nguyễn Du,

phường 7, quận Gò Vấp, tHnh phố Hồ Chí Minh. Cả chị H và A A đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh Đ. Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng, A A không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

Xét thấy: Việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa tHnh niên là nghĩa vụ và quyền của cha mẹ; nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung của chị H và A A là chính đáng. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Linh Đ còn nhỏ, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật HN&GĐ là con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, mà hiện nay cháu Đ chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện nay chị H là người Đg trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con phát triển khỏe mạnh, bình thường, nên cần giao cho mẹ nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với sự phát triển về tâm sinh lý của cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HN&GĐ giao cháu Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị H yêu cầu A A cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ, A A chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu cấp dưỡng là chính đáng nhưng mức cấp dưỡng chị H đưa ra là cao so với mặt bằng thu nhập tại địa phương. Mặc dù tại bản tự khai và biên bản hòa giải A A đều trình bày A làm nghề lái xe cho công ty Đông Sơn ở Cẩm Phả, tỉnh Quang Ninh thu nhập bình quân mỗi tháng 15.000.000đ, ngoài ra còn mở trang trại tại gia đình mình ở xã Hợp Thắng thu nhập Hng năm khoảng hơn 100.000.000đ. Tuy nhiên, A A không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Chị H cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh mức thu nhập của A A. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị H. Buộc A A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trần Linh Đ mỗi tháng là 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 7/2023 đến khi cháu Linh Đ đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và A A đều không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung trA chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên không áp dụng án lệ để giải quyết trA chấp này, mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H là người yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. A A phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo luật định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc H và anh Trần Văn A.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Công nhận vợ chồng có 01 con chung là:

Trần Linh Đ - Sinh ngày 12 tháng 12 năm 2021.

2.2. Giao con chung là Trần Linh Đ cho chị Trần Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Anh Trần Văn A phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Trần Thị Ngọc H 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) một tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 đến khi cháu Trần Linh Đ đủ 18 tuổi.

2.4. A A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị H và A A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000^{đ} tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^{đ} theo biên lai thu tiền số 0016950 ngày 24/3/2023 của Chi cục thi Hnh án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

- A Trần Văn A phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi Hnh tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự. Thời hiệu Thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hnh án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và A A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:** **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh ThA Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi Hnh án dân sự;
- UBND Phường 7, Q Gò Vấp (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn